

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Đoạt giải
1	010401	NGUYỄN MINH HÀ AN	18/10/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Khuyến khích
2	010402	NGUYỄN HUY ANH	26/03/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
3	010404	NGUYỄN DUY BÌNH MINH	04/06/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhất
4	010406	HOÀNG ĐĂNG NGUYỄN	25/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
5	010407	HOÀNG MINH NGUYỄN	26/06/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Khuyến khích
6	010303	NGUYỄN NGỌC HÀ LINH	02/05/2011	8A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Khuyến khích
7	010307	TRẦN ĐỨC MINH	28/01/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
8	010308	HOÀNG GIA PHÚC	08/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
9	010503	HOÀNG AN KHANG	14/11/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
10	010506	NGUYỄN GIA LINH	17/10/2010	9A11	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
11	010507	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/01/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
12	010508	ĐINH NGUYỄN TUỆ MINH	01/08/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
13	010509	TRẦN LAN PHƯƠNG	11/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
14	010510	VŨ DIỄM QUỲNH	12/01/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
15	010702	TRẦN VĂN GIANG	15/12/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lí)	Khuyến khích
16	010708	NGUYỄN CẨM NGỌC	18/11/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lí)	Ba
17	010602	TRẦN ĐỨC ANH	12/12/2011	8A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Ba
18	010603	MAI THỊ THANH BÌNH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhì
19	010604	NGÔ KHÁNH CHI	27/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhất
20	010606	NGUYỄN DUY KHÔI	20/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhì
21	010608	NGUYỄN THANH MAI	07/10/2010	9A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Ba
22	010609	NGUYỄN NAM	20/07/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Khuyến khích
23	010101	DƯƠNG KIỀU ANH	28/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
24	010102	TRỊNH PHƯƠNG ANH	25/08/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
25	010103	NGUYỄN ĐĂNG HUY	27/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Nhất
26	010104	VĂN HÀ HƯƠNG	04/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Nhì
27	010105	ĐOÀN AN KHANH	27/12/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
28	010903	TRẦN MINH ANH	22/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhì
29	010906	VŨ KHÁNH LINH	09/02/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
30	010909	NGUYỄN BẢO NAM	18/01/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
31	010910	ĐINH MINH PHƯƠNG	10/02/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
32	011003	ĐỖ HƯƠNG GIANG	18/02/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhì
33	011005	HOÀNG CHI DIỆU LINH	14/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Ba
34	011006	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	04/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
35	011007	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	01/11/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhì
36	011303	NGUYỄN VIỆT BÁCH	18/10/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Ba
37	011306	ĐINH LÊ MINH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Nhì
38	011309	TRIỆU BÌNH SƠN	27/10/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Khuyến khích
39	010204	NGUYỄN MINH KHANG	13/09/2010	9A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
40	010209	VŨ ĐÌNH MINH TÂN	25/08/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba